

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN PHÚ NHUẬN** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 58/2025/QĐST-HNGĐ P, ngày 03 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/01/2025;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2025/TLST-VHNGĐ ngày 14/01/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1/ Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: **F P, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2/ Bà Trần Hoàng Ngọc C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: **B khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyền số 01/2012 ngày 04 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng M và bà Trần Hoàng Ngọc C là hợp pháp. Ông M và bà C thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 116, ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có cơ sở xác định ông M và bà C có con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/4/2012.

Ông M và bà C cùng thống nhất giao con chung là Nguyễn Ngọc T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông M và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông M và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M và bà C phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Trần Hoàng Ngọc C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Trần Hoàng Ngọc C có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/4/2012.

Giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/4/2012 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông M và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông M và bà C mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0055220 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Ông M và bà C đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

**THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN**

- Các đương sự;  
- TAND quận PN;  
- UBND phường 02,  
Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;  
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Lê Tuấn**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**

**Dương**